



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# CÔNG BÁO

*Do UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản*

Tháng 12

Số 98 (01/12/2010)

## MỤC LỤC

Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Trang
<b>ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ</b>		
09-11-2010	Quyết định số 77/2010/QĐ-UBND về việc bãi bỏ văn bản của Ủy ban nhân dân thành phố quy định thủ tục hành chính áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện, trong lĩnh vực Đầu tư phát triển và phân bổ ngân sách nhà nước.	3
12-11-2010	Quyết định số 5061/QĐ-UBND về duyệt nhiệm vụ điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị mới Thủ Thiêm, quận 2.	5
15-11-2010	Quyết định số 78/2010/QĐ-UBND về ban hành định mức kinh tế kỹ thuật đối với xe đưa rước học sinh, sinh viên và công nhân trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	19
15-11-2010	Quyết định số 79/2010/QĐ-UBND ban hành Quy chế (mẫu) về tổ chức và hoạt động của Phòng Quản lý đô thị quận - huyện.	23
15-11-2010	Chỉ thị số 24/2010/CT-UBND về tăng cường công tác hòa giải ở cơ sở trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	34
15-11-2010	Quyết định số 5083/QĐ-UBND về duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu Z756 tại phường 12, quận 10.	38

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6**

02-11-2010	Quyết định số 08/2010/QĐ-UBND về bãi bỏ văn bản.	46
-		
03-11-2010	Quyết định số 09/2010/QĐ-UBND về công bố văn bản hết hiệu lực thi hành.	48
-		
08-11-2010	Quyết định số 10/2010/QĐ-UBND sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tài nguyên và Môi trường quận 6.	50
-		

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ****ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 77/2010/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 11 năm 2010

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc bãi bỏ văn bản của Ủy ban nhân dân thành phố  
quy định thủ tục hành chính áp dụng tại Ủy ban nhân dân  
quận - huyện, trong lĩnh vực Đầu tư phát triển và  
phân bổ ngân sách nhà nước**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 30/QĐ-TTg ngày 10 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Đơn giản hóa thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước giai đoạn 2007 - 2010;

Căn cứ Quyết định số 07/QĐ-TTg ngày 04 tháng 01 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch thực hiện Đề án Đơn giản hóa thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước giai đoạn 2007 - 2010;

Căn cứ Quyết định số 21/QĐ-UBND-ĐA30 ngày 20 tháng 4 năm 2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thực hiện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Tổ trưởng Tổ công tác Đề án 30 tại Tờ trình số 29/TTr-ĐA30 ngày 05 tháng 11 năm 2010,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay bãi bỏ các văn bản quy định thủ tục hành chính áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện như sau:

Bãi bỏ thủ tục “Thẩm định dự toán chi phí quy hoạch dự án đầu tư” mã số hồ sơ: 102256 tại số thứ tự 12 mục XXXXV Phần II thuộc lĩnh vực Đầu tư phát triển và phân bổ ngân sách nhà nước tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng các sở - ban - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Lê Hoàng Quân**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5061/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 11 năm 2010

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về duyệt nhiệm vụ điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu  
tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị mới Thủ Thiêm, quận 2**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 93/2001/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2001 của Chính phủ về phân cấp quản lý một số lĩnh vực cho thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng về quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 6566/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố về duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 Khu trung tâm đô thị mới Thủ Thiêm;

Căn cứ Quyết định số 3165/QĐ-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố về duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng đô thị quận 2 - thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 4215/QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố về duyệt dự toán kinh phí lập điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 và điều chỉnh hướng dẫn thiết kế đô thị tại Khu đô thị mới Thủ Thiêm, quận 2;

Căn cứ Công văn số 1051/BXD-KTQH ngày 04 tháng 6 năm 2008 của Bộ Xây

dựng về điều chỉnh quy hoạch chi tiết 1/2000 và triển khai các dự án đầu tư Khu đô thị mới Thủ Thiêm thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 3794/UBND-ĐTMT ngày 16 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về triển khai công tác điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị mới Thủ Thiêm;

Căn cứ Công văn 4279/VPCP-KTN ngày 30 tháng 6 năm 2008 của Văn phòng Chính phủ về điều chỉnh quy hoạch chi tiết 1/2000 và triển khai thực hiện các dự án đầu tư Khu đô thị mới Thủ Thiêm;

Xét đề nghị của Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Tờ trình số 3056/SQHKT-QHKTT ngày 01 tháng 11 năm 2010,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Duyệt nhiệm vụ điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị mới Thủ Thiêm, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh với các nội dung chính như sau:

#### **1. Vị trí, quy mô và giới hạn phạm vi điều chỉnh quy hoạch:**

- Quy mô khu vực nghiên cứu điều chỉnh quy hoạch: việc nghiên cứu, lập điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu được thực hiện tại một số khu vực cụ thể trên cơ sở quan sát tổng thể quy hoạch Khu đô thị mới Thủ Thiêm, bao gồm địa bàn các phường An Khánh, Thủ Thiêm, An Lợi Đông và một phần phường Bình An, Bình Khánh, quận 2.

- Vị trí và giới hạn phạm vi điều chỉnh cục bộ quy hoạch:

+ Khu lõi trung tâm chính;

+ Khu vực hồ trung tâm;

+ Khu châu thổ phía Nam;

+ Khu dân cư phía Đông;

+ Khu phía Bắc Đại lộ Đông - Tây và dọc theo đại lộ vòng cung gắn với khu dân cư phía Bắc.

- Phạm vi và ranh giới cụ thể các khu vực điều chỉnh cục bộ quy hoạch sẽ được xác định trong quá trình nghiên cứu, phân tích và sẽ được thể hiện trong hồ sơ sản phẩm cuối cùng.

## **2. Lý do và sự cần thiết phải lập đồ án điều chỉnh cục bộ quy hoạch tỷ lệ 1/2000:**

- Đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị mới Thủ Thiêm được duyệt năm 2005 đã tạo dựng được hình ảnh một khu đô thị mới (là trung tâm mở rộng của thành phố Hồ Chí Minh trong thế kỷ 21) có cấu trúc và không gian hiện đại và đồng bộ, phù hợp tầm nhìn dài hạn và các tiêu chuẩn quốc tế, có tính thân thiện cao giữa cư dân và môi trường tự nhiên. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện theo quy hoạch được duyệt đã phát sinh nhiều vấn đề thực tế, đòi hỏi cần nghiên cứu bổ sung làm rõ chi tiết và nghiên cứu điều chỉnh cục bộ phù hợp nhằm nâng cao tính khả thi, đáp ứng các mục tiêu phát triển hiệu quả của dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới này.

- Cần thiết phải cập nhật đầy đủ và hợp lý các thay đổi quy hoạch mang tính pháp lý đến nay trong quá trình triển khai quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 được duyệt năm 2005.

- Cần thiết phải nghiên cứu khả năng gia tăng tầng cao, thay đổi một số chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc chính của khu đô thị mới, bổ sung các công trình văn hóa, công trình công cộng đô thị tiêu biểu. Nghiên cứu bổ sung quy hoạch tổ chức, khai thác tầng trệt và tầng ngầm đô thị tại khu vực lõi trung tâm. Nghiên cứu bổ sung chi tiết nội dung tài liệu hướng dẫn thiết kế đô thị trong đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 đã duyệt năm 2005 cho phù hợp với yêu cầu triển khai thực hiện quy hoạch và quản lý đầu tư xây dựng thực tế.

- Về tổng thể, cần nghiên cứu xác định cụ thể các thông tin đầu vào liên quan việc phát triển không gian kiến trúc phù hợp mục tiêu và kế hoạch phát triển của Khu đô thị mới Thủ Thiêm. Trên cơ sở đó đánh giá khả năng cung ứng của hệ thống hạ tầng kỹ thuật chính của khu đô thị theo nội dung thiết kế cơ sở đang được đơn vị tư vấn nghiên cứu.

## **3. Mục tiêu của đồ án điều chỉnh cục bộ quy hoạch tỷ lệ 1/2000:**

- Không làm thay đổi lớn về ý tưởng quy hoạch và thiết kế đô thị, về cấu trúc cơ bản và định hướng phát triển không gian của khu đô thị mới; không làm thay đổi lớn và thu hẹp quỹ đất dành cho giao thông, công trình công cộng và dành cho không gian mở, công viên, cây xanh theo đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 đã duyệt năm 2005.

- Nghiên cứu và đề xuất các giải pháp điều chỉnh cục bộ nhằm nhấn mạnh và tạo

ấn tượng về hình ảnh không gian kiến trúc đô thị, đường viền đô thị nhìn từ khu vực trung tâm thành phố Hồ Chí Minh hiện hữu và từ các góc nhìn khác.

- Tạo sự hài hòa giữa mục tiêu xây dựng trung tâm đô thị mới hiện đại cấp khu vực gắn với mục tiêu khai thác có hiệu quả kinh tế đô thị trong quá trình đầu tư phát triển thực tế.

- Mục tiêu của đồ án điều chỉnh cục bộ quy hoạch tỷ lệ 1/2000 lần này chủ yếu nghiên cứu bổ sung về không gian kiến trúc đô thị. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu điều chỉnh cục bộ quy hoạch tỷ lệ 1/2000 là cơ sở để đơn vị tư vấn công tác quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 và thiết kế cơ sở hệ thống hạ tầng kỹ thuật chính Khu đô thị mới Thủ Thiêm, đánh giá và có ý kiến, đề xuất chính thức về sự phù hợp của hệ số an toàn  $K=2$  đối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

- Chi tiết hóa các quy định về thiết kế đô thị để làm công cụ quản lý hiệu quả lâu dài, tạo điều kiện thuận lợi nhanh chóng cho việc quản lý và đầu tư trong quá trình thực thi quy hoạch.

#### **4. Các chỉ tiêu quy hoạch đô thị điều chỉnh:**

Định hướng điều chỉnh các chỉ tiêu quy hoạch cơ bản đã được phê duyệt tại Quyết định số 6566/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố như sau:

a) Quy mô dân số cư trú: khoảng 160.000 người (tăng khoảng 33% so với quy hoạch đã duyệt năm 2005).

b) Tổng số người lao động làm việc: khoảng 450.000 người/ngày (tăng khoảng 30% so với quy hoạch đã duyệt năm 2005).

c) Khách vãng lai: khoảng 1.000.000 lượt người/ngày.

d) Tổng diện tích sàn xây dựng: khoảng 7.560.000 m<sup>2</sup> (tăng khoảng 40% so với quy hoạch đã duyệt năm 2005). Tỷ lệ diện tích sàn xây dựng nhà ở, văn phòng, thương mại - dịch vụ... sẽ do đơn vị tư vấn nghiên cứu đề xuất.

đ) Nội dung về điều chỉnh quy hoạch phân khu chức năng, cơ cấu sử dụng đất, bố cục phát triển không gian đô thị, hệ số sử dụng đất, tầng cao, mật độ xây dựng, hệ thống giao thông đô thị... sẽ do đơn vị tư vấn nghiên cứu đề xuất.

**Ghi chú:** Các chỉ tiêu điều chỉnh quy hoạch đô thị tỷ lệ 1/2000 nêu trên chỉ là định hướng để đơn vị tư vấn có cơ sở nghiên cứu, kiểm tra sự phù hợp và đề xuất phương án điều chỉnh cục bộ, trình cơ quan thẩm quyền thẩm định và phê duyệt



chính thức làm cơ sở pháp lý. Trong quá trình nghiên cứu có thể đề xuất thay đổi chỉ tiêu quy hoạch đô thị điều chỉnh cho phù hợp tình hình thực tế.

**5. Nội dung của công tác điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị mới Thủ Thiêm:**

5.1. Điều chỉnh quy hoạch tổng mặt bằng kết hợp điều chỉnh quy hoạch hệ thống giao thông đô thị tương thích.

5.2. Điều chỉnh cơ cấu sử dụng đất và bố cục không gian kiến trúc công trình phù hợp điều kiện kinh tế xã hội và đầu tư thực tế.

5.3. Bố trí thêm một số công trình công cộng cấp thành phố, như: Trụ sở phòng cháy, chữa cháy, Bệnh viện quốc tế, Nhà hát giao hưởng, Cung văn hóa thiếu nhi...

5.4. Đề xuất ý tưởng quy hoạch và sơ đồ kết nối không gian tầng ngầm, tầng trệt tại khu lõi trung tâm chính.

5.5. Điều chỉnh bổ sung về hướng dẫn thiết kế đô thị.

5.6. Cập nhật kế hoạch phát triển theo các giai đoạn của Khu đô thị mới Thủ Thiêm.

5.7. Cập nhật quy hoạch đối với các dự án đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt (như: Công viên Tri thức Việt - Nhật, Công viên Phần mềm Thủ Thiêm, Khu dân cư phía Đông, Đại lộ Vòng cung, đường trục Bắc - Nam...) và kiểm tra sự phù hợp về quy hoạch tổng thể đối với các dự án chuẩn bị triển khai (như: dự án Công ty GS E&C, khách sạn cao cấp phía Đông...).

5.8. Kết hợp quy hoạch khu đô thị mới với ý tưởng quy hoạch đoạt giải của cuộc thi “Quảng trường trung tâm, công viên bờ sông và cầu đi bộ qua sông Sài Gòn”.

5.9. Điều chỉnh ranh giới, mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, chiều cao, khoảng lùi xây dựng, hệ thống đường phố và cấu trúc các khối công trình tại khu lõi trung tâm chính.

5.10. Làm rõ các chức năng và tổ chức không gian mở khu vực hồ trung tâm.

5.11. Làm rõ quy hoạch mặt bằng khu châu thổ phía Nam, trong đó trọng tâm về cân bằng giữa các khu đất phát triển và điều kiện sinh thái tự nhiên.

**Ghi chú:** Chi tiết của 11 nội dung công tác điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 xem phụ lục đính kèm.

**6. Các vấn đề cần lưu ý khi triển khai lập và trình duyệt đồ án điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị mới Thủ Thiêm:**

- Điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị mới Thủ Thiêm cần đảm bảo sự tương thích và đồng bộ với nội dung thiết kế quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 hệ thống hạ tầng kỹ thuật chính đang triển khai nghiên cứu và trình duyệt.

- Điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị mới Thủ Thiêm cần đảm bảo kết nối đồng bộ với quy hoạch tỷ lệ 1/2000 khu đô thị chính trang (diện tích 335,92ha) kế cận Khu đô thị mới Thủ Thiêm đang được đơn vị tư vấn triển khai nghiên cứu.

### 7. Hồ sơ sản phẩm:

TT	Tên sản phẩm	Tỷ lệ bản đồ
	<b>ĐỒ ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH PHÂN KHU:</b>	1/2.000
1	Sơ đồ vị trí và giới hạn khu đất quy hoạch	1/10.000 hoặc 1/25.000
2	Các bản đồ hiện trạng kiến trúc cảnh quan, đánh giá đất xây dựng và hệ thống hạ tầng kỹ thuật, bảo vệ môi trường	Tỷ lệ thích hợp
3	Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất	1/2.000
4	Sơ đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan	1/2.000
5	Bản đồ quy hoạch giao thông và chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng	1/2.000
	Các bản đồ, sơ đồ, biểu bảng minh họa và triển khai ý tưởng:	1/2.000
	6.1. Bản đồ điều chỉnh quy hoạch đường giao thông và các lô đất;	1/2.000
	6.2. Bản đồ điều chỉnh tầng cao công trình;	
	6.3. Bản vẽ thiết kế cảnh quan khu vực công viên hồ trung tâm;	
6	6.4. Các hình ảnh minh họa 3D;	1/2.000
	6.5. Bản minh họa ý tưởng mặt bằng tầng trệt khu lõi trung tâm;	1/2.000
	6.6. Biểu đồ quy hoạch không gian ngầm khu lõi trung tâm;	
	6.7. Bảng phân tích mật độ, hệ số sử dụng đất;	1/2.000

	6.8. Bản đồ điều chỉnh quy hoạch giao thông công cộng; 6.9. Bản vẽ cập nhật các mặt cắt đường.	
7	Hồ sơ về hướng dẫn thiết kế đô thị	
8	Thuyết minh tổng hợp, các văn bản pháp lý liên quan, tờ trình, dự thảo quyết định phê duyệt.	

## 8. Tổ chức thực hiện:

### 8.1. Thời gian thực hiện đồ án điều chỉnh quy hoạch:

- Thời gian nghiên cứu lập đồ án điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 (kể từ ngày hợp đồng được ký kết và kinh phí tạm ứng đợt đầu được chuyển đến tài khoản đơn vị tư vấn): 20 tuần.

- Thời gian thẩm định và phê duyệt đồ án điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000: thực hiện theo quy định của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị.

### 8.2. Tổ chức thực hiện đồ án điều chỉnh quy hoạch:

- Chủ đầu tư: Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng Khu đô thị mới Thủ Thiêm.

- Đơn vị tư vấn: Công ty Sasaki Associates (Hoa Kỳ).

- Cơ quan thẩm định: Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng Khu đô thị mới Thủ Thiêm chủ trì phối hợp các cơ quan liên quan.

- Cơ quan phê duyệt: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Trên cơ sở nội dung nhiệm vụ điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 được phê duyệt, Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng Khu đô thị mới Thủ Thiêm có trách nhiệm tiến hành lập, thỏa thuận nội dung và thực hiện ký kết hợp đồng tư vấn về “Điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 và Hướng dẫn thiết kế đô thị Khu đô thị mới Thủ Thiêm” với đơn vị tư vấn Sasaki Associates (Hoa Kỳ) theo phương thức và tiến trình đã đề xuất tại Tờ trình số 45/TT-BQL-QH ngày 24 tháng 8 năm 2010 với các sản phẩm phù hợp trình duyệt theo quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Tài chính,

Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 2, Giám đốc Kho bạc Nhà nước thành phố, Trưởng Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng Khu đô thị mới Thủ Thiêm chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

**Nguyễn Thành Tài**

**PHỤ LỤC****Nội dung nghiên cứu điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000***(Đính kèm Quyết định số 5061/QĐ-UBND**ngày 12 tháng 11 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Các nội dung nghiên cứu điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 sẽ được thực hiện theo 04 giai đoạn như sau:

**1. Giai đoạn 1**

Nội dung các công việc thực hiện trong giai đoạn 1:

1.1. Phác thảo sơ bộ ban đầu quy hoạch điều chỉnh các khu vực tòa nhà và các khối phố, diện tích chiếm đất xây dựng, tổng diện tích sàn xây dựng (GFA) và hệ số sử dụng đất (FAR) trên phạm vi điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000, bao gồm cả các khu vực sau: Công viên Tri thức Việt - Nhật, Công viên Phần mềm Thủ Thiêm, dự án Công ty GS E&C, khu dân cư phía Đông, khu khách sạn quốc tế và khu Quảng trường Trung tâm, công viên bờ sông và cầu đi bộ qua sông Sài Gòn (đã đạt giải ý tưởng quy hoạch). Xác định những khu đất tiềm năng để gia tăng chiều cao công trình và có thể xây dựng công trình điểm nhấn nổi bật.

1.2. Kỳ làm việc lần 1 (thông qua hình thức họp hội nghị trực tuyến): xem xét sơ bộ điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000, thống nhất về mục tiêu và quan điểm, chuẩn hóa quá trình xem xét và phê duyệt, thu thập các ý kiến và đóng góp ban đầu từ các bên liên quan, phối hợp với các chuyên gia quy hoạch hệ thống tàu điện ngầm thành phố Hồ Chí Minh, phối hợp với đơn vị tư vấn Deso về việc tổng hợp các ý tưởng cuộc thi “Quảng trường Trung tâm, Công viên Bờ sông và Cầu đi bộ”.

**2. Giai đoạn 2**

Nội dung các công việc thực hiện trong giai đoạn 2:

2.1. Sau kỳ làm việc lần 1: phân tích sâu hơn và phối hợp ý tưởng quy hoạch đạt giải cuộc thi “Quảng trường Trung tâm, Công viên Bờ sông và Cầu đi bộ bắt qua sông Sài Gòn” và quy hoạch điều chỉnh khu lõi trung tâm của Khu đô thị mới Thủ Thiêm liên quan đến GFA, FAR, chiều cao công trình, hình khối của các công trình điểm nhấn, hệ thống đường giao thông và bố trí các khối phố.

2.2. Điều chỉnh và mở rộng lộ giới đại lộ vòng cung và trục đường Bắc - Nam

như đã thảo luận và hướng dẫn điều chỉnh. Những điều chỉnh này phải hài hòa với những tuyến đường khác và được kết hợp với hệ thống cầu đảm bảo khoảng thông thủy thích hợp cho lưu thông thủy.

2.3. Phân tích và điều chỉnh các đường phố, các khối phố, cơ cấu sử dụng đất và thực hiện nghiên cứu tổng thể về chiều cao các công trình trên phạm vi tổng mặt bằng Khu đô thị mới Thủ Thiêm. Nhấn mạnh trọng tâm là kích thước các khối phố, kết nối các tuyến đường kết hợp điều chỉnh hợp lý sử dụng đất ở Thủ Thiêm, bao gồm các cao ốc văn phòng và/hoặc các khu vực dân cư cho đến các khách sạn, khu vui chơi giải trí, trung tâm hội nghị, khu vực triển lãm... Phân tích và đề xuất chiều cao xây dựng các tòa nhà để tạo lập hình dáng đô thị (đường chân trời) sinh động, đáp ứng mục tiêu về gia tăng mật độ xây dựng và tổng diện tích sàn (GFA). Đề xuất chi tiết hệ thống đỗ xe và giao thông công cộng.

2.4. Điều chỉnh quy hoạch khu lõi trung tâm, khu công viên phần mềm, khu dân cư phía Đông (khu tái định cư) và khu khách sạn quốc tế như sau:

a) Thiết kế ý tưởng quy hoạch và phác thảo sơ đồ quy hoạch tầng ngầm và tầng trệt tại khu lõi trung tâm;

b) Cập nhật quy hoạch tổng thể của 02 dự án Công viên Tri thức Việt - Nhật, Công viên Phần mềm Thủ Thiêm (thuộc khu phía Bắc Đại lộ Đông - Tây) đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500;

c) Cập nhật quy hoạch tổng thể của dự án Khu dân cư phía Đông (Khu tái định cư bố trí 6.200 căn hộ) đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500;

d) Nghiên cứu quy mô phù hợp với quy hoạch tổng thể của dự án khách sạn cao cấp ở phía Đông (hiện quy mô đề xuất của Chủ đầu tư từ 2.300 đến 2.500 phòng).

2.5. Điều chỉnh quy hoạch khu vực dự án đầu tư của Công ty GS E&C (Hàn Quốc), khu tháp quan sát, khu hồ trung tâm và vùng châu thổ phía Nam như sau:

a) Điều chỉnh quy hoạch các khối phố thuộc khu vực dự án đầu tư của Công ty GS E&C (Hàn Quốc) tại vị trí đầu cầu Thủ Thiêm do việc mở rộng lộ giới đại lộ Vòng cung và đường trục Bắc - Nam (từ cầu Thủ Thiêm đến cầu qua quận 7);

b) Điều chỉnh chức năng, tầng cao, GFA, FAR của khu vực tháp quan sát và kết nối không gian với các khu vực công cộng lân cận;

c) Cung cấp giải pháp điều chỉnh sử dụng đất và làm rõ việc tổ chức không gian công cộng xung quanh khu vực hồ trung tâm;

d) Điều chỉnh quy hoạch vùng châu thổ phía Nam để cân bằng giữa phát triển đô thị và điều kiện tự nhiên.

2.6. Bổ trí bổ sung một công trình công cộng cấp thành phố như: Bệnh viện quốc tế, Cung văn hóa thiếu nhi, Nhà hát giao hưởng, Trạm phòng cháy, chữa cháy, Trạm cung cấp nhiên liệu và các tiện nghi công cộng khác trên quy hoạch tổng mặt bằng điều chỉnh. Nội dung và danh sách công trình cụ thể sẽ xác định thông qua thảo luận với các đơn vị liên quan.

2.7. Phân tích và xác định tổng thể về mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, và chương trình làm việc dựa trên những thay đổi trên quy hoạch tổng mặt bằng. Các thông tin này sẽ được gửi đến Ban Quản lý Khu Thủ Thiêm để xem xét và đưa ra thêm các ý kiến.

2.8. Kỳ làm việc thứ 2 tại thành phố Hồ Chí Minh: trình bày và xem xét thảo luận các nội dung đã làm việc trong suốt kỳ làm việc thứ 2. Nội dung trình bày dựa trên các dữ liệu thu được từ kỳ làm việc thứ nhất và ý kiến đóng góp của các Sở ngành thành phố. Các sản phẩm dự kiến cũng sẽ được Bộ Xây dựng có ý kiến và nhận xét vào thời điểm này.

### **3. Giai đoạn 3**

Nội dung các công việc thực hiện trong giai đoạn 3:

3.1. Dựa trên dữ liệu thu thập được từ kỳ làm việc thứ 2, hoàn thiện lại bản đồ điều chỉnh quy hoạch tổng mặt bằng, tiếp tục phối hợp với những thay đổi trong bản đồ quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật. Tại thời điểm này, điểm mấu chốt là phải thống nhất những thay đổi được chấp thuận cho quy hoạch tổng mặt bằng dựa trên những thay đổi cơ bản đã được đưa ra trước đó.

3.2. Tiếp tục hoàn thiện các nội dung tính toán và chiều cao xây dựng các công trình tương ứng, phù hợp với những sự thay đổi được chấp thuận trong bản quy hoạch tổng mặt bằng. Các thông tin này sẽ được xem xét và chấp thuận trước khi bắt đầu công việc hoàn thiện bản quy hoạch tổng mặt bằng cuối cùng.

3.3. Thực hiện công việc sửa đổi quy hoạch tổng mặt bằng cuối cùng dựa trên những nhận xét, góp ý từ kỳ làm việc thứ 2 và từ tổng hợp các ý kiến của Ban Quản lý Khu Thủ Thiêm trong thời gian sau kỳ làm việc thứ 2.

3.4. Kỳ làm việc thứ 3 tại thành phố Hồ Chí Minh: mục đích để trình bày các sản phẩm cuối cùng đến Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh để được phê duyệt cuối cùng. Trong đề xuất của kỳ làm việc này sẽ không có những thay đổi lớn về quy

hoạch tổng mặt bằng, chỉ có những điều chỉnh nhỏ, thứ yếu có thể được xem xét. Trong giai đoạn này, quy hoạch tổng mặt bằng phải được thống nhất chắc chắn để bắt đầu triển khai sửa đổi hồ sơ về hướng dẫn thiết kế đô thị và nhằm thực hiện đúng tiến độ.

**Lưu ý:**

- Địa điểm tổ chức kỳ làm việc lần thứ 3 sẽ được Ban Quản lý Khu Thủ Thiêm thông báo đến Nhà tư vấn sau kỳ làm việc lần thứ 2 (sau khi có ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố).

- Tiếp tục hoàn thành hồ sơ điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 trong khoảng thời gian mười một (11) tuần, bao gồm hai (02) cuộc họp tại thành phố Hồ Chí Minh. Các bản vẽ và biểu đồ sẽ được cung cấp cho các cơ quan thẩm quyền thành phố xem xét và cho ý kiến trong suốt quá trình sửa đổi.

- Các sửa đổi sẽ được xem xét và chấp thuận khi nhà tư vấn trình bày những sửa đổi đã được thực hiện tuân thủ với những nội dung yêu cầu bổ sung sửa chữa được ghi trong các biên bản cuộc họp thống nhất giữa hai bên. Các nhận xét và chấp thuận trên được đưa ra trong suốt và chỉ giới hạn trong khoảng thời gian mười một (11) tuần. Những sự phê duyệt nhận được trong suốt quá trình thực hiện sẽ có giá trị từ thời điểm phê duyệt đến thời điểm kết thúc dự án. Bất kỳ sự sai lệch nào từ các phê duyệt hoặc những thay đổi cơ bản sau kỳ làm việc thứ 3 sẽ khiến các công việc cần phải được thực hiện lại và như thế phải bổ sung chi phí thích đáng cho việc kéo dài thời gian thực hiện.

- Những ý tưởng thiết kế chính và những nguyên tắc cơ bản của đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 đã được phê duyệt năm 2005 sẽ được đảm bảo giữ nguyên và diện tích đất dành cho giao thông, công viên cây xanh, khu sinh thái và không gian công cộng sẽ không bị giảm mà phải tuân thủ theo đúng quy hoạch tổng mặt bằng đã được duyệt năm 2005.

**4. Giai đoạn 4**

Giai đoạn 4 sẽ thực hiện các công việc điều chỉnh hồ sơ Hướng dẫn thiết kế đô thị theo các nội dung như sau:

4.1. Thực hiện chỉnh sửa Hướng dẫn thiết kế đô thị cho dự án Khu đô thị mới Thủ Thiêm. Mục đích của Hướng dẫn này là cung cấp công cụ hướng dẫn hỗ trợ cho việc thực hiện xây dựng, phát triển tại Khu đô thị mới Thủ Thiêm trong suốt thời gian thực hiện dự án, để các dự án xây dựng phù hợp với hồ sơ Điều chỉnh Quy hoạch



phân khu tỷ lệ 1/2000 được phê duyệt. Ban Quản lý Khu Thủ Thiêm sẽ có thể sử dụng hiệu quả bản Hướng dẫn thiết kế đô thị này để quản lý các thiết kế đang thực hiện và thi công hệ thống đường giao thông, các khu vực phát triển, không gian công cộng và các tòa nhà, theo đó Khu đô thị mới Thủ Thiêm sẽ được quản lý quy hoạch và xây dựng theo đúng các nguyên tắc quy hoạch cơ bản đã được chấp thuận, phù hợp tiêu chuẩn thiết kế đô thị quốc tế. Ban Quản lý Khu Thủ Thiêm sẽ cung cấp thông tin Hướng dẫn thiết kế đô thị đến các nhà thiết kế, nhà phát triển dự án và các chủ đầu tư ở giai đoạn đầu của dự án để họ hiểu rõ các luật lệ và quy định nhằm kết hợp hài hòa dự án của họ vào tổng thể của một Khu đô thị mới Thủ Thiêm hiện đại và đồng bộ.

4.2. Hướng dẫn thiết kế đô thị sẽ đề ra các quy tắc và được minh họa theo mô hình 2D và 3D trong chiến lược thiết kế đô thị tổng thể cũng như phân tích theo từng khối phố một. Các nội dung chính của bản Hướng dẫn thiết kế đô thị:

- a) Nghiên cứu tổng thể khu vực cũng như chi tiết của các khối phố;
- b) Cơ cấu sử dụng đất theo từng khối phố và các khối phố liền kề;
- c) Chiều cao trong mỗi khối phố và giữa các khối phố liền kề;
- d) Lộ giới và khoảng lùi xây dựng công trình;
- đ) Hình thức kiến trúc vỏ ngoài công trình;
- e) Chiều cao xây dựng công trình;
- g) Chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc khối để yêu cầu (nếu có);
- h) Lối vào / Lối ra / Dịch vụ;
- i) Tỷ lệ khu vực công cộng so với khu vực riêng tư;
- j) Chiến lược hình thành bãi đỗ xe và cách bố trí đậu xe bên trong các khối phố;
- k) Hệ số sử dụng đất (FAR); Tổng diện tích sàn (GFA); Bảng phân tích thống kê sử dụng (ví dụ như: khu bán lẻ, khu dân cư, khu thương mại,...);
- l) Diễn giải các phương pháp luận thiết kế (sử dụng hỗn hợp, chiến lược bố trí khối để, bãi đậu xe, các lối vào,...). Các phương pháp phải hợp lý và linh hoạt.

4.3. Bản Hướng dẫn thiết kế đô thị sẽ được hoàn thành trong khoảng thời gian chín (9) tuần, trong đó bao gồm một (1) cuộc họp hội nghị trực tuyến và một (1) cuộc họp tại thành phố Hồ Chí Minh (tương ứng với chuyến đi cho hai người). Bản vẽ và biểu đồ sẽ được cung cấp trong họp hội nghị trực tuyến và trong cuộc họp tại thành

phố Hồ Chí Minh để được xem xét và cho ý kiến trong quá trình lập bản Hướng dẫn thiết kế đô thị, cụ thể như sau:

- Bản Hướng dẫn thiết kế đô thị sẽ được xem xét và chấp thuận khi Nhà tư vấn trình nộp hồ sơ này với điều kiện đảm bảo tuân thủ theo các ý kiến và mục tiêu của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về đồ án điều chỉnh quy hoạch tỷ lệ 1/2000. Những sự xem xét và chấp thuận trên được yêu cầu đưa ra trong thời gian và chỉ giới hạn trong thời gian chín (9) tuần làm việc của thời gian biểu được nêu trên. Sự phê duyệt nhận được trong quá trình thực hiện dự án sẽ có hiệu lực từ thời điểm phê duyệt đến thời điểm kết thúc dự án. Bất cứ sự sai lệch so với quyết định phê duyệt hoặc có sự thay đổi “đầu bài” sau kỳ làm việc thứ 4 (họp hội nghị trực tuyến) sẽ làm cho công việc phải được thực hiện lại và như thế phải có bổ sung chi phí thích đáng cho việc kéo dài thời gian thực hiện./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 78/2010/QĐ-UBND

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 11 năm 2010*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về ban hành định mức kinh tế kỹ thuật đối với xe  
đưa rước học sinh, sinh viên và công nhân  
trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Giá ngày 26 tháng 4 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Giá;

Căn cứ Nghị định số 75/2008/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Giá;

Căn cứ Thông tư số 14/2010/TT-BGTVT ngày 24 tháng 6 năm 2010 của Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức và quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô;

Căn cứ Quyết định số 16/2010/QĐ-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định tổ chức, quản lý, khai thác hoạt động vận tải khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Sở Giao thông vận tải (Tờ trình số 39/TTr-SGTVT ngày 10 tháng 8 năm 2010, Công văn số 6023/SGTVT-VTCN ngày 06 tháng 10 năm 2010 và Công văn số 6574/SGTVT-VTCN ngày 28 tháng 10 năm 2010); Ý kiến của Sở Tư pháp (Công văn số 3484/STP-VB ngày 21 tháng 9 năm 2010) và của Sở Tài chính (Công văn số 11448/STC-ĐTSC ngày 10 tháng 11 năm 2010),

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này các định mức kinh tế kỹ thuật đối với xe đưa rước học sinh, sinh viên và công nhân trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quyết định này áp dụng đối với các đơn vị vận tải là doanh nghiệp (được thành lập theo Luật Doanh nghiệp) và Hợp tác xã (được thành lập theo Luật Hợp tác xã) đáp ứng đầy đủ các quy định hiện hành về điều kiện kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt tham gia đưa rước học sinh, sinh viên và công nhân có trợ giá của Nhà nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 3.**

1. Các định mức kinh tế kỹ thuật ban hành kèm theo Quyết định này được áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

2. Giám đốc Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm thông báo và tổ chức thực hiện các định mức được duyệt; theo dõi, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét điều chỉnh, bổ sung khi cần thiết.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Kho bạc Nhà nước thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

**Nguyễn Thành Tài**

**ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT XE ĐƯA RƯỚC HỌC SINH, SINH VIÊN VÀ CÔNG NHÂN  
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*(Kèm theo Quyết định số 78/2010/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)*

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Nhóm 1	Nhóm 2A	Nhóm 2B	Nhóm 3A	Nhóm 3B	Nhóm 4A	Nhóm 4B	Xe buýt 2 tầng
			Dưới 20 HK (12 ghế) không máy lạnh	Từ 20 đến dưới 40 HK (17-25 ghế) máy lạnh	Từ 20 đến dưới 40 HK (17-25 ghế) không máy lạnh	Từ 40 đến dưới 60 HK (26-38 ghế) máy lạnh	Từ 40 đến dưới 60 HK (26-38 ghế) không máy lạnh	Từ 60 đến dưới 80 HK (≥ 39 ghế) máy lạnh	Từ 60 đến dưới 80 HK (≥ 39 ghế) máy lạnh	Trên 80 HK (87 ghế) máy lạnh
1	Số ca xe hoạt động	ca xe/năm	600	600	600	600	600	600	600	600
2	Nguyên giá xe	đồng/xe	110.000.000	502.112.000	418.000.000	724.252.000	545.289.000	896.000.000	1.188.543.000	1.700.000.000
3	Khấu hao cơ bản	% nguyên giá	7,93%	8,58%	8,58%	8,58%	8,58%	8,58%	8,58%	7,77%
4	Sửa chữa xe	% nguyên giá	18,07%	11,49%	11,49%	11,49%	11,49%	11,49%	11,49%	7,49%
5	Chi phí khác	% nguyên giá	6,39%	3,15%	3,60%	3,70%	4,60%	4,18%	3,39%	3,10%
6	Nhân công									
a	Lái xe	Nhóm-bậc	I-3/4	II-3/4	II-3/4	III-3/4	III-3/4	IV-3/4	IV-3/4	V-3/4
	- Hệ số lương		3,05	3,25	3,25	3,44	3,44	3,64	3,64	4,11
b	Tiếp viên	Nhóm-bậc	III-2/5	III-2/5	III-2/5	III-3/5	III-3/5	III-4/5	III-4/5	III-5/5
	- Hệ số lương		2,33	2,33	2,33	2,73	2,73	3,2	3,2	3,72
	- Số tiếp viên/ca xe	Người	1	1	1	1	1	1	1	1
c	Phụ cấp trách nhiệm	% Lương trực tiếp	1,0%	1,0%	1,0%	1,0%	1,0%	1,0%	1,0%	1,0%

7	Số ngày làm việc/tháng	Ngày	24	24	24	24	24	24	24	24
8	Định mức nhiên liệu chính	lít/100km	7,83	18,90	14,40	26,55	18,00	33,30	33,30	56,84
9	Định mức nhiên liệu phụ	% định mức nhiên liệu chính	3,0%	5,0%	5,0%	5,0%	5,0%	5,0%	5,0%	5,0%
10	Hệ số Km huy động	% định mức nhiên liệu chính	11,0%	11,0%	11,0%	11,0%	11,0%	11,0%	11,0%	11,0%
11	Km vận doanh một ca xe	km/xe/ca	90	90	90	90	90	90	90	90

**GHI CHÚ:**

- Nhóm I: nhiên liệu sử dụng Xăng A92,  
các nhóm còn lại sử dụng dầu diesel 0,05S

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 79/2010/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 11 năm 2010

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Ban hành Quy chế (mẫu) về tổ chức và hoạt động của Phòng Quản lý đô thị quận - huyện**

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; Nghị định số 12/2010/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ ban hành về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2008/NĐ-CP quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 20/2008/TTLT-BXD-BNV ngày 16 tháng 12 năm 2008 của Bộ Xây dựng và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện và nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã về các lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc ngành xây dựng;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 12/2008/TTLT-BGTVT-BNV ngày 05 tháng 12 năm 2008 của Bộ Giao thông vận tải và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về giao thông vận tải thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

Căn cứ Quyết định số 41/2008/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện; Quyết định số 62/2010/QĐ-UBND ngày 01 tháng 9 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1513/TTr-SNV ngày 25 tháng 10 năm 2010,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế (mẫu) về tổ chức và hoạt động của Phòng Quản lý đô thị quận - huyện.

**Điều 2.** Căn cứ Quy chế (mẫu) này, Ủy ban nhân dân quận - huyện chỉ đạo xây dựng và quyết định ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Quản lý đô thị phù hợp với tình hình cụ thể tại địa phương.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

**Nguyễn Thành Tài**



THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
UBND QUẬN (HUYỆN)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## QUY CHẾ (MẪU)

**Tổ chức và hoạt động của Phòng Quản lý đô thị quận - huyện**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số..... /201.../QĐ-UBND*

*ngày tháng năm 201.. của Ủy ban nhân dân quận (huyện).....)*

### Chương I

## VỊ TRÍ VÀ CHỨC NĂNG

### Điều 1. Vị trí và chức năng

#### 1. Vị trí:

Phòng Quản lý đô thị quận - huyện là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện.

Phòng Quản lý đô thị quận - huyện có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp, toàn diện về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân quận - huyện, đồng thời chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn nghiệp vụ của Sở Xây dựng, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

#### 2. Chức năng:

Phòng Quản lý đô thị quận - huyện có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận - huyện thực hiện quản lý nhà nước về: xây dựng; kiến trúc; quy hoạch xây dựng; phát triển đô thị; nhà ở và công sở; vật liệu xây dựng; giao thông; hạ tầng kỹ thuật đô thị theo phân cấp quản lý (gồm: thông tin liên lạc, cung cấp năng lượng, cấp, thoát nước; vệ sinh môi trường đô thị; công viên, cây xanh; chiếu sáng; rác thải; bến, bãi đỗ xe đô thị); phòng chống thiên tai (lũ, lụt, bão,...).

### Chương II

## NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

### Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Phòng Quản lý đô thị quận - huyện có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

**1. Nhiệm vụ và quyền hạn chung thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước được giao:**

a) Trình Ủy ban nhân dân quận - huyện dự thảo quyết định, chỉ thị; quy hoạch, kế hoạch dài hạn, 5 năm và hàng năm; các chương trình, đề án, dự án đầu tư xây dựng về phát triển các ngành theo chức năng, nhiệm vụ của Phòng trên địa bàn; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước được giao.

b) Tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, nhiệm vụ cải cách hành chính về lĩnh vực được phân công sau khi được ban hành, phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, giáo dục, phổ biến, hướng dẫn văn bản pháp luật, cơ chế, chính sách, chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực được phân công.

c) Giúp Ủy ban nhân dân quận - huyện thực hiện và chịu trách nhiệm về việc thẩm định, đăng ký, cấp và thu hồi các loại giấy phép, quyết định cấp đổi số nhà thuộc phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của Phòng theo quy định của pháp luật và theo phân công của Ủy ban nhân dân quận - huyện.

d) Tổ chức triển khai, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước và chuyên môn nghiệp vụ của Phòng.

đ) Được quyền yêu cầu các cơ quan, đơn vị thuộc quận - huyện và Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn cung cấp số liệu có liên quan đến lĩnh vực quản lý thuộc chức năng, nhiệm vụ của Phòng; thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất liên quan đến chức năng, nhiệm vụ được giao của Phòng theo quy định của Ủy ban nhân dân quận - huyện và các Sở liên quan.

e) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, thanh tra và đề xuất xử lý vi phạm đối với các tổ chức, cá nhân trong việc chấp hành pháp luật, thuộc các lĩnh vực được phân công trên địa bàn; giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, lãng phí trong hoạt động các lĩnh vực được phân công trên địa bàn theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân quận - huyện.

g) Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về lĩnh vực được phân công cho cán bộ, công chức phường, xã, thị trấn trên địa bàn.

h) Quản lý tài chính, tài sản của Phòng theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân quận - huyện.

i) Theo dõi, tổng hợp, báo cáo định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng, 1 năm và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao với Ủy ban nhân dân quận - huyện, Sở Xây dựng, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

k) Thực hiện nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân thành phố quy định, trong đó có phòng, chống thiên tai (lũ, lụt, bão,...).

## **2. Nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể về lĩnh vực xây dựng, quy hoạch, kiến trúc:**

a) Giúp và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân quận - huyện trong việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về quản lý đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng công trình xây dựng, quản lý vật liệu xây dựng theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố.

b) Giúp Ủy ban nhân dân quận - huyện thực hiện việc cấp, gia hạn, điều chỉnh, thu hồi giấy phép xây dựng công trình, giấy phép đào đường và kiểm tra việc xây dựng công trình, đào đường theo giấy phép được cấp trên địa bàn quận - huyện theo sự phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố.

c) Tổ chức thực hiện việc giao nộp và lưu trữ hồ sơ, tài liệu khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng, hồ sơ, tài liệu hoàn công công trình xây dựng thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân quận - huyện theo quy định của pháp luật.

d) Tổ chức lập, thẩm định, trình Ủy ban nhân dân quận - huyện phê duyệt, hoặc tổ chức lập để Ủy ban nhân dân quận - huyện trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt các đề án quy hoạch xây dựng trên địa bàn quận - huyện theo quy định của pháp luật.

đ) Tổ chức lập, thẩm định Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị thuộc địa giới hành chính của quận - huyện để Ủy ban nhân dân quận - huyện trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt hoặc Ủy ban nhân dân quận - huyện phê duyệt theo phân cấp.

e) Hướng dẫn, kiểm tra việc xây dựng các công trình theo Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tổ chức công bố, công khai các Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị; cung cấp thông tin về quy hoạch, kiến trúc đô thị; quản lý các mốc giới, chỉ giới xây dựng, cốt xây dựng trên địa bàn quận - huyện theo phân cấp.

g) Hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện việc xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa, duy tu, bảo trì, quản lý, khai thác, sử dụng các công trình hạ tầng kỹ thuật

(gồm: cấp, thoát nước; vệ sinh môi trường; công viên, cây xanh; chiếu sáng; rác thải; bến, bãi đỗ xe đô thị; thông tin liên lạc; cung cấp năng lượng và các công trình khác) trên địa bàn quận - huyện theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố, quận - huyện.

h) Giúp Ủy ban nhân dân quận - huyện trong việc tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách về nhà ở và công sở; quản lý quỹ nhà ở và quyền quản lý sử dụng công sở trên địa bàn quận - huyện theo phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố; tổ chức thực hiện công tác điều tra, thống kê, đánh giá định kỳ về nhà ở và công sở trên địa bàn quận - huyện.

i) Phối hợp với Thanh tra Xây dựng quận - huyện hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ đối với các công chức Thanh tra Xây dựng phường, xã, thị trấn.

k) Thực hiện công tác thu thập, cập nhật số liệu hiện trạng liên quan đến việc xây dựng phát triển đô thị, về các công trình xây dựng, về cơ sở hạ tầng bao gồm mạng lưới hạ tầng kỹ thuật (giao thông đường bộ, đường thủy, đường sắt, cấp thoát nước, cấp điện, các công trình ngầm...) và hạ tầng xã hội (công trình giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, thương mại dịch vụ, công viên cây xanh...) trên địa bàn quận - huyện và quản lý theo quy định.

l) Giúp Ủy ban nhân dân quận - huyện quản lý nhà nước đối với tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân và hướng dẫn hoạt động đối với các hội; tổ chức phi chính phủ hoạt động trong các lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc ngành xây dựng trên địa bàn quận - huyện theo quy định của pháp luật.

### **3. Nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể về lĩnh vực giao thông vận tải:**

a) Trình Ủy ban nhân dân quận - huyện dự thảo: chương trình, giải pháp huy động, phối hợp liên ngành trong thực hiện công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trên địa bàn; các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông trên địa bàn theo phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố; về phân loại đường theo quy định của pháp luật.

b) Tổ chức quản lý, bảo trì, bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật mạng lưới công trình giao thông đường bộ, đường thủy nội địa địa phương đang khai thác do quận - huyện chịu trách nhiệm quản lý.

c) Quản lý hoạt động vận tải trên địa bàn theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

d) Tổ chức thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý các hành vi

xâm phạm công trình giao thông, lấn chiếm hành lang an toàn giao thông; phối hợp với các cơ quan có liên quan trong việc giải tỏa lấn chiếm hành lang an toàn giao thông trên địa bàn theo hướng dẫn của Sở Giao thông vận tải và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân quận - huyện.

đ) Tham gia Ban An toàn giao thông quận - huyện; phối hợp với các cơ quan có liên quan triển khai hoạt động tìm kiếm cứu nạn đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải và hàng không xảy ra trên địa bàn quận - huyện.

#### **4. Thực hiện một số nhiệm vụ khác:**

a) Xây dựng kế hoạch trình Ủy ban nhân dân quận - huyện tổ chức thực hiện công tác phòng, chống lụt, bão, thiên tai và các công trình phòng, chống lũ, lụt, bão trên địa bàn. Thực hiện nhiệm vụ thường trực của Ban Chỉ huy phòng, chống lụt, bão; tìm kiếm cứu nạn theo quy định; đề xuất phương án, biện pháp và tham gia chỉ đạo việc phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai về lũ, lụt, bão, sạt, lở, hạn hán... trên địa bàn.

b) Phối hợp với thanh tra và các cơ quan kiểm tra, xử lý đối với các lĩnh vực quản lý nhà nước được giao trên địa bàn quận - huyện.

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác về các lĩnh vực quản lý nhà nước được giao theo sự phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân quận - huyện và theo quy định của pháp luật.

### **Chương III CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ BIÊN CHẾ**

#### **Điều 3. Cơ cấu tổ chức**

1. Phòng Quản lý đô thị quận - huyện có Trưởng phòng phụ trách và không quá 03 Phó Trưởng phòng giúp việc cho Trưởng phòng. Phòng Quản lý đô thị làm việc theo chế độ Thủ trưởng.

a) Trưởng phòng là người đứng đầu cơ quan, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân quận - huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Phòng, đồng thời chịu trách nhiệm trước Giám đốc các Sở liên quan đến chức năng, nhiệm vụ về thực hiện các mặt công tác chuyên môn.

b) Việc bổ nhiệm Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định theo tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ; việc miễn

nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng thực hiện theo quy định của pháp luật.

c) Các Phó Trưởng phòng là người giúp Trưởng phòng, chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng và trước pháp luật về nhiệm vụ được Trưởng phòng phân công; khi Trưởng phòng vắng mặt, một Phó Trưởng phòng được Trưởng phòng ủy quyền điều hành các hoạt động của Phòng. Các Phó Trưởng phòng thực hiện các công việc do Trưởng phòng phân công theo lĩnh vực và liên đới chịu trách nhiệm trước cấp trên những phần việc được phân công phụ trách.

d) Tùy theo trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và năng lực của cán bộ lãnh đạo Phòng (Trưởng phòng và các Phó Trưởng phòng), trong số các lãnh đạo Phòng phải có ít nhất 01 người được phân công chuyên trách quản lý, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước ngành xây dựng và theo chuyên ngành cụ thể.

2. Cán bộ, công chức chuyên môn, nghiệp vụ làm công tác quản lý đô thị trên địa bàn quận - huyện được bố trí tương xứng với nhiệm vụ được giao.

3. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ nêu trên, đặc điểm tình hình cụ thể đơn vị, trình độ, năng lực cán bộ, Phòng Quản lý đô thị quận - huyện tổ chức thành các Tổ gồm những công chức được phân công đảm nhận các chức danh công việc trên các mặt công tác:

- Tổ Cấp giấy phép xây dựng;
- Tổ Quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị;
- Tổ Quản lý nhà ở và công sở;
- Tổ Quản lý hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Tổ Hành chính, quản trị.

Tùy theo quy mô hoạt động và tính chất công việc và nhân sự cụ thể của địa phương, Ủy ban nhân dân quận - huyện có thể phân công cán bộ phụ trách riêng từng lĩnh vực hoặc kiêm nhiệm các lĩnh vực trên cơ sở tinh gọn, hiệu quả và tiết kiệm.

#### **Điều 4. Biên chế**

Căn cứ vào khối lượng công việc và tình hình cán bộ cụ thể để xác định từng chức danh và tiêu chuẩn nghiệp vụ công chức để phân bổ biên chế cho phù hợp, đảm bảo thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Số lượng biên chế cụ thể làm công tác quản lý ngành của Phòng Quản lý đô thị

do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định trên cơ sở chỉ tiêu biên chế hành chính được Ủy ban nhân dân thành phố giao cho quận - huyện hàng năm.

## **Chương IV**

### **CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC**

#### **Điều 5. Chế độ làm việc**

1. Trưởng phòng phụ trách, điều hành tất cả các hoạt động của Phòng và phụ trách những công tác trọng tâm. Các Phó Trưởng phòng phụ trách những lĩnh vực công tác được Trưởng phòng phân công, trực tiếp giải quyết các công việc phát sinh.

2. Khi giải quyết công việc thuộc lĩnh vực mình phụ trách có liên quan đến nội dung chuyên môn của Phó Trưởng phòng khác, Phó Trưởng phòng chủ động bàn bạc thống nhất hướng giải quyết, chỉ trình Trưởng phòng quyết định các vấn đề chưa nhất trí với các Phó Trưởng phòng khác hoặc những vấn đề mới phát sinh mà chưa có chủ trương, kế hoạch và biện pháp giải quyết.

3. Trong trường hợp Trưởng phòng trực tiếp yêu cầu các cán bộ, chuyên viên giải quyết công việc thuộc phạm vi thẩm quyền của Phó Trưởng phòng, yêu cầu đó được thực hiện nhưng cán bộ phải báo cáo cho Phó Trưởng phòng trực tiếp phụ trách biết.

#### **Điều 6. Chế độ sinh hoạt hội họp**

1. Hàng tuần, lãnh đạo Phòng họp giao ban một lần để đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ và phổ biến kế hoạch công tác cho tuần sau.

2. Sau khi giao ban lãnh đạo Phòng, các bộ phận họp với Phó Trưởng phòng trực tiếp phụ trách để đánh giá công việc, bàn phương hướng triển khai công tác và thống nhất lịch công tác.

3. Mỗi tháng họp toàn thể cơ quan một lần.

4. Mỗi thành viên trong từng bộ phận có lịch công tác do lãnh đạo Phòng trực tiếp phê duyệt.

5. Lịch làm việc với các tổ chức và cá nhân có liên quan phải thể hiện trong lịch công tác hàng tuần, tháng của đơn vị; nội dung làm việc được Phòng chuẩn bị chu đáo để kịp thời giải quyết có hiệu quả các yêu cầu phát sinh liên quan đến hoạt động chuyên môn của Phòng.

**Điều 7. Mọi quan hệ công tác****1. Đối với Ủy ban nhân dân quận - huyện:**

Phòng Quản lý đô thị chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp và toàn diện của Ủy ban nhân dân quận - huyện về toàn bộ công tác của Phòng. Trưởng phòng trực tiếp nhận chỉ đạo và nội dung công tác từ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch phụ trách khối và phải thường xuyên báo cáo với Ủy ban nhân dân quận - huyện về những mặt công tác đã được phân công;

Theo định kỳ phải báo cáo với Ủy ban nhân dân quận - huyện về nội dung công tác của Phòng và đề xuất các biện pháp giải quyết công tác chuyên môn trong quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực liên quan.

**2. Đối với Sở, ngành thành phố:**

Phòng Quản lý đô thị chịu sự hướng dẫn và kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của các Sở liên quan; báo cáo kết quả hoạt động công tác chuyên môn định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của Giám đốc các Sở liên quan.

**3. Đối với các cơ quan chuyên môn khác thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện:**

Thực hiện mối quan hệ hợp tác và phối hợp trên cơ sở bình đẳng, theo chức năng nhiệm vụ, dưới sự điều hành chung của Ủy ban nhân dân quận - huyện nhằm đảm bảo hoàn thành kế hoạch, nhiệm vụ chính trị của quận - huyện. Trường hợp chủ trì phối hợp công việc, nếu chưa nhất trí với ý kiến của Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn khác, Trưởng Phòng Quản lý đô thị chủ động tập hợp các ý kiến và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện xem xét, quyết định.

**4. Đối với Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn:**

a) Phối hợp hỗ trợ và tạo điều kiện để Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn thực hiện các nội dung quản lý nhà nước liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Phòng;

b) Hướng dẫn cán bộ phường - xã, thị trấn về chuyên môn, nghiệp vụ của ngành, lĩnh vực công tác do Phòng quản lý.

**5. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội của quận - huyện:**

a) Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận - huyện hướng dẫn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường - xã, thị trấn thực hiện công tác giám sát đầu tư của cộng đồng theo Quyết định số 80/2005/QĐ-TTg ngày 18 tháng 4 năm 2005 về việc ban hành quy chế giám sát đầu tư của cộng đồng.



b) Khi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận - huyện, phường - xã, thị trấn, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội của quận - huyện có yêu cầu, kiến nghị các vấn đề thuộc chức năng của Phòng, Trưởng phòng có trách nhiệm trình bày, giải quyết hoặc trình Ủy ban nhân dân quận - huyện giải quyết các yêu cầu đó theo thẩm quyền.

## **Chương V**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 8.** Căn cứ Quy chế này, Trưởng Phòng Quản lý đô thị quận - huyện có trách nhiệm cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ của Phòng, quyền hạn, trách nhiệm, chức danh, tiêu chuẩn công chức và người lao động của Phòng phù hợp với đặc điểm của địa phương, nhưng không trái với nội dung Quy chế này, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định để thi hành.

**Điều 9.** Trưởng Phòng Quản lý đô thị có trách nhiệm thực hiện Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Quản lý đô thị sau khi được Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các vấn đề vượt quá thẩm quyền thì nghiên cứu đề xuất, kiến nghị với Ủy ban nhân dân quận - huyện xem xét, giải quyết hoặc bổ sung và sửa đổi Quy chế cho phù hợp sau khi có sự thỏa thuận của Trưởng Phòng Nội vụ./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

(Chữ ký)

Họ và tên người ký văn bản

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 24/2010/CT-UBND

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 11 năm 2010*

## **CHỈ THỊ**

### **Về tăng cường công tác hòa giải ở cơ sở trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh**

Trong những năm qua, hoạt động hòa giải ở cơ sở trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh đã có bước chuyển biến tích cực. Toàn thành phố đã xây dựng được 12.991 Tổ hòa giải ở cơ sở với 34.174 hòa giải viên; hàng năm, tỷ lệ hòa giải thành đạt 67,2% và giảm khoảng 30% các loại vụ, việc tranh chấp phải chuyển đến Tòa án xét xử. Qua đó, phát huy truyền thống đoàn kết, tương thân, tương ái trong cộng đồng dân cư, góp phần phòng ngừa và hạn chế các vi phạm pháp luật, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

Tuy nhiên, hiện nay công tác hòa giải ở cơ sở còn gặp nhiều khó khăn, chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn như: các tổ chức hòa giải ở cơ sở chưa được kịp thời củng cố, kiện toàn; chưa phân định rõ phạm vi hòa giải ở cơ sở và hòa giải ở Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định của pháp luật; kiến thức pháp luật và kỹ năng hòa giải của một bộ phận hòa giải viên còn nhiều hạn chế; chế độ đãi ngộ, bồi dưỡng cho hòa giải viên chưa phù hợp, chưa được quan tâm đúng mức...

Để phát huy những kết quả đạt được, khắc phục những hạn chế, đồng thời tăng cường hơn nữa hiệu quả công tác hòa giải ở cơ sở trên địa bàn thành phố trong thời gian tới, Ủy ban nhân dân thành phố chỉ thị:

#### **1. Củng cố, kiện toàn tổ chức hòa giải ở cơ sở:**

a) Thống nhất mô hình Tổ hòa giải theo quy định của Pháp lệnh về Tổ chức và hoạt động hòa giải ở cơ sở; thành lập Tổ hòa giải ở các tổ dân phố, ấp nhân dân và các cụm dân cư khác (các chợ cố định, tụ điểm du lịch, vui chơi giải trí...) chưa có Tổ hòa giải, đảm bảo mỗi tổ dân phố, ấp nhân dân và các cụm dân cư khác phải có ít nhất một Tổ hòa giải.

b) Chú trọng công tác nhân sự cho hoạt động hòa giải ở cơ sở. Đảm bảo mỗi Tổ hòa giải có từ 3 tổ viên trở lên theo quy định của Nghị định số 160/1999/NĐ-CP ngày

18 tháng 10 năm 1999 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh về Tổ chức và hoạt động hòa giải ở cơ sở. Tổ viên Tổ hòa giải phải có đủ tiêu chuẩn theo quy định của Pháp lệnh về Tổ chức và hoạt động hòa giải ở cơ sở, đồng thời phải có sức khỏe tốt, am hiểu pháp luật và có uy tín đối với nhân dân nơi cư trú.

c) Định kỳ hàng tháng, Tổ hòa giải tiến hành họp để đánh giá, rút kinh nghiệm; các tổ viên thường xuyên tham gia các cuộc họp tổ dân phố, ấp nhân dân để nắm bắt, trao đổi thông tin.

d) Xây dựng cơ chế phối hợp, hỗ trợ công tác hòa giải ở cơ sở giữa Tổ hòa giải với các tổ chức, đoàn thể, các lực lượng chức năng trên địa bàn khu dân cư; đề xuất cử thành viên của các tổ chức này làm tổ viên Tổ hòa giải.

## **2. Nâng cao hiệu quả hoạt động hòa giải ở cơ sở:**

a) Tăng cường tuyên truyền về công tác hòa giải ở cơ sở trong nhân dân.

b) Đẩy mạnh hoạt động hòa giải tại Tổ hòa giải; khuyến khích, hướng dẫn hòa giải tại Tổ hòa giải đối với các vụ việc thuộc phạm vi thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

c) Thường xuyên bồi dưỡng nghiệp vụ hòa giải và kiến thức pháp luật cho các hòa giải viên; quan tâm, tạo điều kiện về cơ sở vật chất, chế độ đãi ngộ, bồi dưỡng cho hòa giải viên ở cơ sở.

d) Tăng cường biên soạn, cung cấp tài liệu nghiệp vụ hòa giải, tài liệu tuyên truyền pháp luật cho các Tổ hòa giải; đầu tư xây dựng Tủ sách pháp luật, tạo điều kiện cho các hòa giải viên đến mượn đọc, nghiên cứu.

đ) Tăng cường sự phối hợp giữa Tổ hòa giải với các Tổ công tác Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức, đoàn thể, cảnh sát khu vực... để hòa giải kịp thời, có hiệu quả các vụ việc tranh chấp xảy ra trong nội bộ nhân dân.

## **3. Kinh phí cho công tác hòa giải:**

a) Cấp kinh phí từ ngân sách nhà nước cho công tác hòa giải ở cơ sở, đảm bảo việc sử dụng kinh phí đúng quy định, phù hợp với thực tiễn công tác hòa giải ở cơ sở trên địa bàn thành phố.

b) Khuyến khích việc huy động các nguồn lực xã hội cho công tác hòa giải ở cơ sở.

## **4. Phân công trách nhiệm thực hiện:**

## a) Sở Tư pháp:

- Dự thảo các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công tác hòa giải ở cơ sở trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành; chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tham mưu sửa đổi, bổ sung Quyết định số 93/2006/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố về quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí đảm bảo cho công tác hòa giải ở cơ sở trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

- Chỉ đạo, hướng dẫn Phòng Tư pháp quận, huyện triển khai có hiệu quả công tác hòa giải ở cơ sở;

- Tăng cường biên soạn, cung cấp tài liệu về nghiệp vụ hòa giải, tài liệu tuyên truyền pháp luật;

- Tổ chức bồi dưỡng và hướng dẫn Phòng Tư pháp quận, huyện tổ chức bồi dưỡng đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nâng cao nghiệp vụ hòa giải cho hòa giải viên;

- Định kỳ tổ chức tổng kết, khen thưởng công tác hòa giải ở cơ sở.

## b) Sở Tài chính:

- Tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân thành phố ban hành các quy định về sử dụng kinh phí đảm bảo cho công tác hòa giải ở cơ sở;

- Hướng dẫn, kiểm tra việc sử dụng ngân sách nhà nước cho hoạt động hòa giải ở cơ sở đối với Ủy ban nhân dân quận, huyện và phường, xã, thị trấn.

## c) Ủy ban nhân dân quận, huyện:

- Chỉ đạo Phòng Tư pháp thường xuyên tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ hòa giải và kiến thức pháp luật cho đội ngũ hòa giải viên;

- Tăng cường việc theo dõi, kiểm tra, đôn đốc Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thực hiện có hiệu quả công tác hòa giải ở cơ sở;

- Tiến hành tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm và báo cáo kết quả công tác hòa giải ở cơ sở về Hội đồng Phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật thành phố; kịp thời tuyên dương, khen thưởng các Tổ hòa giải có thành tích xuất sắc ở địa phương;

- Đưa vào dự toán ngân sách hàng năm một khoản kinh phí cho công tác hòa giải ở cơ sở.

## d) Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn:

- Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ tại Mục 1, 2, 3 Chỉ thị này; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân quận, huyện;

- Khuyến khích các Tổ hòa giải tích cực, chủ động trong việc hòa giải; bảo đảm 100% các tranh chấp nhỏ đều được tiến hành hòa giải ở cơ sở và tỷ lệ hòa giải thành ngày càng tăng;

- Theo dõi công tác hòa giải trên địa bàn; hướng dẫn, hỗ trợ về nghiệp vụ hòa giải; tạo điều kiện về cơ sở vật chất cho các Tổ hòa giải thực hiện nhiệm vụ;

- Thực hiện nghiêm việc chi thù lao hòa giải viên đối với từng vụ việc hòa giải; thực hiện các khoản chi theo đúng chế độ tài chính cho các Tổ hòa giải; hướng dẫn các thủ tục tài chính cụ thể trong việc quyết toán tài chính cho hoạt động hòa giải ở cơ sở; kịp thời khen thưởng cho công tác hòa giải ở cơ sở;

- Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện và triển khai Chỉ thị này đến tổ dân phố, ấp nhân dân. Trong quá trình triển khai thực hiện, kịp thời đề xuất với Ủy ban nhân dân quận, huyện các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc.

đ) Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức thành viên:

- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền và cơ quan tư pháp các cấp ở địa phương trong việc củng cố, kiện toàn và nâng cao hiệu quả hoạt động hòa giải ở cơ sở.

- Chỉ đạo, hướng dẫn các Tổ công tác Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức, đoàn thể phối hợp, hỗ trợ hoạt động hòa giải của Tổ hòa giải.

### **5. Hiệu lực của Chỉ thị:**

Chỉ thị này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Giao Sở Tư pháp chủ trì theo dõi, kiểm tra, đôn đốc thực hiện Chỉ thị này, định kỳ tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Tư pháp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Minh Trí**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5083/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 11 năm 2010

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500  
Khu Z756 tại phường 12, quận 10**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quy chuẩn, Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Tờ trình số 2056/TTr-SQHKT ngày 30 tháng 7 năm 2010 (gửi trình ngày 01 tháng 11 năm 2010) về ý kiến thẩm định đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu nhà máy Z756 tại phường 12, quận 10,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu Z756, phường 12, quận 10, với các nội dung chủ yếu như sau:

#### **I. Vị trí, quy mô và giới hạn phạm vi quy hoạch:**

- Vị trí: tại phường 12, quận 10, quy mô diện tích: 76.613,4 m<sup>2</sup>, bao gồm khu 2 và khu 3 theo Bản đồ hiện trạng vị trí do Đoàn Đo đạc bản đồ lập theo Hợp đồng số 2632/ĐĐBĐ-VPQ7 và được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 16 tháng 6 năm 2004.

- Quy mô dân số toàn khu: 2.000 người.
- Giới hạn phạm vi quy hoạch:
  - + Phía Đông : giáp dự án Viettel;
  - + Phía Tây : giáp đường Cao Thắng (nối dài) và khu dân cư hiện hữu;
  - + Phía Bắc : giáp khu dân cư hiện hữu;
  - + Phía Nam : giáp khu dân cư hiện hữu và đường Ba Tháng Hai.

## **2. Lý do và sự cần thiết phải lập đồ án quy hoạch:**

Thực hiện chủ trương của Thủ tướng Chính phủ về việc di dời các nhà máy thuộc quân đội như Z571, Z755, Z756 và nhà máy Ba Son trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân thành phố có Thông báo số 48/TB-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2005 về quy hoạch một số khu đất quốc phòng chuyển mục đích sử dụng đất tại thành phố.

Xuất phát từ lý do trên, để định hướng cho việc phát triển đồng bộ và lâu dài của khu vực Z756 (là 1 trong 4 khu vực cần thực hiện di dời) trong định hướng phát triển chung của quận 10 và của phường 12, việc nghiên cứu đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu Z756 nhằm vừa đảm bảo giá trị tài chính cho khu đất vừa phù hợp xu hướng phát triển của địa phương.

## **3. Mục tiêu của đồ án quy hoạch:**

- Xác định tính chất, chức năng, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật để đảm bảo sự phát triển đồng bộ với các khu vực kế cận, khai thác có hiệu quả giá trị sử dụng đất.

- Xác định cơ cấu phân khu chức năng sử dụng đất hợp lý trong từng giai đoạn phát triển và dành quỹ đất cho đầu tư các công trình hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật.

- Khai thác được giá trị tài chính của khu đất, đảm bảo sự phát triển kinh tế xã hội bền vững, phù hợp xu hướng phát triển thương mại dịch vụ của quận 10.

- Tạo cơ sở pháp lý phục vụ công tác quản lý xây dựng đô thị sau quy hoạch, gắn kết với các đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng khu vực lân cận đã được phê duyệt, làm cơ sở lập các dự án xây dựng trong tương lai.

## **4. Cơ cấu sử dụng đất:**

- Tổng diện tích khu đất: 76.613,4 m<sup>2</sup>, chiếm 100%, bao gồm:

+ Khu số 1 - cao ốc văn phòng và dịch vụ: 40.977 m<sup>2</sup>, chiếm 53,49%; bao gồm:

\* Khu 1A : 25.476 m<sup>2</sup>

\* Khu 1B : 7.440 m<sup>2</sup>

\* Khu 1C (phía Tây đường Cao Thắng nối dài): 4.165 m<sup>2</sup>

\* Khu 1D (phía Tây đường Cao Thắng nối dài): 3.896 m<sup>2</sup>

+ Khu số 2 - Công trình công cộng (trường trung học cơ sở): 6.318 m<sup>2</sup>, chiếm 8,25%.

+ Khu số 3 - nhà ở cao tầng: 14.598 m<sup>2</sup>, chiếm 19,05%.

+ Đất giao thông: 14.720 m<sup>2</sup>, chiếm 19,21%.

**Ghi chú:** ký hiệu các Khu 1A, 1B, 1C, 1D, 2 và 3 được ghi trên bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất.

- Diện tích cây xanh xen cài: 15.400 m<sup>2</sup>, được phân bổ trong các khu như sau:

+ Diện tích cây xanh tại Khu số 1 - cao ốc văn phòng và dịch vụ: 9.200 m<sup>2</sup>; bao gồm:

\* Khu 1A : 5.100 m<sup>2</sup>

\* Khu 1B : 2.000 m<sup>2</sup>

\* Khu 1C : 1.100 m<sup>2</sup>

\* Khu 1D : 1.000 m<sup>2</sup>

+ Diện tích cây xanh tại Khu số 2 - công trình công cộng (trường trung học cơ sở): 1.800 m<sup>2</sup>

+ Diện tích cây xanh tại Khu số 3 - nhà ở cao tầng: 4.400 m<sup>2</sup>.

### **5. Các chỉ tiêu quy hoạch - kiến trúc:**

- Quy mô dân số toàn khu: 2.000 người (500 căn hộ bố trí tại Khu số 3 - Khu nhà ở cao tầng).

- Mật độ xây dựng chung toàn khu: 27%, trong đó:

+ Khu số 1 - cao ốc văn phòng và dịch vụ: 33%, trong đó Khu 1A: 33%, Khu 1B: 37%, Khu 1C: 31% và Khu 1D: 31%.

+ Khu số 2 - Công trình công cộng (trường trung học cơ sở): 27%.

+ Khu số 3 - nhà ở cao tầng: 33%.

- Tầng cao xây dựng:



+ Khu số 1 - cao ốc văn phòng và dịch vụ: từ 8 tới 30 tầng, trong đó:

\* Khu 1A: tối thiểu 8 tầng (tại khu đất giáp mặt đường Ba Tháng Hai) và tối đa 30 tầng.

\* Khu 1B: từ 20 tới 25 tầng

\* Khu 1C: từ 20 tới 25 tầng

\* Khu 1D: từ 08 tới 10 tầng.

+ Khu số 2 - Công trình công cộng (trường trung học cơ sở): 4 ÷ 5 tầng

+ Khu số 3 - nhà ở cao tầng: 25 ÷ 30 tầng.

- Chiều cao xây dựng tối đa: 105 m.

- Hệ số sử dụng đất toàn khu: 6,7; trong đó:

+ Khu số 1 - cao ốc văn phòng và dịch vụ: 8,15

+ Khu số 2 - Công trình công cộng (trường trung học cơ sở): 1,35

+ Khu số 3 - nhà ở cao tầng: 9,86.

- Tổng diện tích sàn xây dựng toàn khu: 486.500 m<sup>2</sup>, bao gồm:

+ Khu số 1 - cao ốc văn phòng và dịch vụ: 334.000 m<sup>2</sup>, bao gồm:

\* Khu 1A : khoảng 231.800 m<sup>2</sup>

\* Khu 1B : khoảng 56.200 m<sup>2</sup>

\* Khu 1C : khoảng 33.000 m<sup>2</sup>

\* Khu 1D : khoảng 13.000 m<sup>2</sup>

+ Khu số 2 - công trình công cộng (trường trung học cơ sở): khoảng 8.500 m<sup>2</sup>.

+ Khu số 3 - nhà ở cao tầng: khoảng 144.000 m<sup>2</sup>, trong đó diện tích sàn căn hộ khoảng 86.000 m<sup>2</sup> và diện tích sàn thương mại dịch vụ khoảng 58.000 m<sup>2</sup>

(Diện tích sàn 1 căn hộ: từ 90 ÷ 200 m<sup>2</sup>/căn hộ).

- Bình quân đất đô thị : 38,31 m<sup>2</sup>/người, trong đó:

+ Đất nhóm nhà ở : 7,30 m<sup>2</sup>/người

+ Đất cây xanh nhóm ở : 2,20 m<sup>2</sup>/người

+ Đất công trình công cộng (trường trung học cơ sở): 3,16 m<sup>2</sup>/người

+ Đất giao thông : 7,36 m<sup>2</sup>/người.

- Khoảng lùi công trình xây dựng:

+ Khoảng cách giữa các khối tháp công trình: tối thiểu 25 m

+ Khoảng lùi công trình so với lộ giới đường: tối thiểu 6 m

+ Khoảng lùi công trình so với ranh đất: tối thiểu 6 m.

\* Riêng đối với khối công trình 8 tầng giáp ranh khu dân cư hiện hữu mặt tiền đường Ba Tháng Hai: khoảng lùi so với lộ giới đường Ba Tháng Hai tối thiểu 2 m và được phép xây sát ranh đất phía Đông.

- Diện tích bãi đậu xe tầng hầm:

+ Khu số 1 - cao ốc văn phòng và dịch vụ: khoảng 75.000 m<sup>2</sup> bãi đậu xe ngầm (chỉ tiêu 100 m<sup>2</sup> sàn sử dụng/1 chỗ đậu xe ô-tô con).

+ Khu số 3 - nhà ở cao tầng: khoảng 14.000 m<sup>2</sup> bãi đậu xe ngầm (chỉ tiêu 1 căn hộ chung cư/1 chỗ đậu xe ô-tô con và 1 chỗ đậu xe máy).

- Diện tích sân bãi đậu xe nổi (bố trí tại Khu số 2 (trường trung học cơ sở): khoảng 600 - 800 m<sup>2</sup>.

- Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật:

+ Tiêu chuẩn cấp nước : 200 lít/người/ngày

+ Tiêu chuẩn thoát nước : 200 lít/người/ngày

+ Tiêu chuẩn cấp điện : 2.000 kwh/người/năm

+ Tiêu chuẩn rác thải và vệ sinh môi trường: 1,2 kg/người/ngày.

## **6. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:**

6.1. Quy hoạch hệ thống giao thông:

+ Đường số 1 có lộ giới 20 m; với mặt cắt ngang 4,5 m (vía hè) + 11,0 m (lòng đường) + 4,5 m (vía hè), chiều dài khoảng 420 m.

+ Đường số 2 có lộ giới 20 m; với mặt cắt ngang 4,5 m (vía hè) + 11,0 m (lòng đường) + 4,5 m (vía hè), chiều dài khoảng 234 m.

+ Đường số 2 có lộ giới 14 m; với mặt cắt ngang 4,0 m (vía hè) + 6,0 m (lòng đường) + 4,0 m (vía hè), chiều dài khoảng 122 m.

+ Vạt góc tại giao lộ: 5 m x 5 m.

6.2. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng:

+ Giải pháp quy hoạch: giữ nguyên nền đất hiện hữu, chỉ san ủi cục bộ khi xây dựng công trình.

+ Cao độ nền xây dựng lựa chọn: bám sát theo cao độ hiện hữu từ 3,5m đến 4,6m (Hệ cao độ VN2000).

+ Độ dốc nền thiết kế: được xác định đảm bảo điều kiện kỹ thuật tổ chức giao thông và thoát nước mặt cho khu vực.

\* Quy hoạch thoát nước mưa:

+ Giải pháp thoát nước: tổ chức thoát chung cho nước bản và mưa.

+ Tổ chức thoát nước: xây mới các tuyến cống dọc theo các trục đường giao thông để thu gom toàn bộ nước mặt của khu vực rồi dẫn thoát ra cống dự án trên đường 3 tháng 2.

+ Nguồn thoát nước: thoát vào cống hộp H1600x1600 của dự án Nhiêu Lộc - Thị Nghè trên đường 3 tháng 2 rồi dẫn thoát ra kênh Nhiêu Lộc.

+ Các thông số kỹ thuật mạng lưới:

- Sử dụng cống ngầm để tổ chức thoát nước mưa.

- Nội cống theo nguyên tắc ngang đỉnh, kích thước cống thay đổi từ  $\Phi 400\text{mm}$  đến  $\Phi 1500\text{mm}$ ; cống băng đường sử dụng cống  $\Phi 400$ , độ dốc 2%.

Các thông số kỹ thuật chi tiết như độ sâu chôn cống tại vị trí các hố ga, cao độ đáy cống, độ dốc cống,... cần được điều chỉnh thêm trong các giai đoạn thiết kế tiếp theo theo quy định.

6.3. Quy hoạch cấp điện:

+ Chỉ tiêu cấp điện:

- Nhà ở: 5 kW/căn hộ.

- Văn phòng - dịch vụ: 80 W/m<sup>2</sup>.

- Thương mại - dịch vụ: 40 W/m<sup>2</sup>.

- Trường học: 15 W/m<sup>2</sup>.

+ Nguồn điện được cấp từ trạm 110/15-22 kV Hòa Hưng.

+ Xây dựng mới các trạm biến áp 15-22/0,4 kV, sử dụng máy biến áp 3 pha, công suất đơn vị  $\geq 1000$  kVA, loại trạm phòng.

+ Xây dựng mới mạng trung và hạ thế cấp điện cho khu quy hoạch, sử dụng cáp đồng bọc cách điện XLPE, tiết diện dây phù hợp, chôn ngầm trong đất.

+ Hệ thống chiếu sáng dùng đèn cao áp sodium 150 ÷ 250W - 220V, có chóa và cần đèn đặt trên trụ thép tráng kẽm.

#### 6.4. Quy hoạch cấp nước:

+ Nguồn cấp nước: sử dụng nguồn nước máy thành phố, dựa vào tuyến ống cấp nước  $\Phi 1000$  hiện hữu trên đường 3 tháng 2 và  $\Phi 150$  đường Cao Thắng.

+ Chỉ tiêu cấp nước sinh hoạt: 250 lít/người/ngày và tổng lưu lượng nước cấp toàn khu:  $Q_{\max} = 2910 \text{ m}^3/\text{ngày}$ .

+ Chỉ tiêu cấp nước chữa cháy: 10 lít/s cho 01 đám cháy, số đám cháy xảy ra đồng thời cùng lúc là 01 đám cháy.

#### 6.5. Quy hoạch thoát nước bản, rác thải và vệ sinh môi trường:

##### a) Thoát nước bản:

+ Chỉ tiêu thoát nước bản sinh hoạt: 200 lít/người/ngày và tổng lưu lượng nước bản toàn khu:  $Q_{\max} = 1836 - 2387 \text{ m}^3/\text{ngày}$ .

+ Giải pháp thoát nước bản: xây dựng hệ thống cống thoát nước bản chung. Nước bản thoát vào tuyến cống chính dọc đường 3 tháng 2 và đường Cách Mạng Tháng 8, sau đó được tách ra bằng giếng tách dòng về tuyến cống  $\Phi 3000$  dọc kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè, về trạm bơm nước thải đặt tại rạch Văn Thánh.

##### b) Rác thải và vệ sinh môi trường:

+ Chỉ tiêu rác thải sinh hoạt: 1,2 kg/người/ngày và tổng lượng rác thải sinh hoạt: 5,8 tấn/ngày.

+ Phương án xử lý rác thải: Rác thải được phân loại ở từng hộ dân và được thu gom, vận chuyển đến các Khu xử lý rác tập trung theo quy hoạch của thành phố.

### 7. Các điểm cần lưu ý:

- Tuyến đường nội bộ hướng Bắc - Nam dự phóng lộ giới 20m, tuy nhiên ranh đất quy hoạch hiện hữu tại đường Ba Tháng Hai có chiều rộng khoảng 11m. Ban Quản lý dự án 756 (Bộ Tư lệnh Công binh) có trách nhiệm thực hiện việc bồi thường tái định cư, giải phóng mặt bằng tại phía đường Ba Tháng Hai bảo đảm lộ giới đường theo quy hoạch là 20m.

- Khu đất Z756 phía Tây đường Cao Thắng giáp với khu đất của Học viện Hành chính Quốc gia có hình tam giác, không phù hợp để bố trí xây dựng công trình và che chắn mặt tiền của Học viện. Ban Quản lý dự án Z756 (Bộ Tư lệnh Công binh) phối

hợp Học viện Hành chính Quốc gia nghiên cứu phương án hoán đổi khu đất phía Đông đường Cao Thắng của Học viện Hành chính Quốc gia với khu đất tại phía Tây đường Cao Thắng của Khu Z756 với diện tích tương đương để nâng cao hiệu quả sử dụng đất và bảo đảm cảnh quan hài hòa tổng thể.

- Căn cứ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu Z756 được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt, Ủy ban nhân dân quận 10 cần cập nhật ranh giới và các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc vào đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư phường 12, quận 10.

**Điều 2.** Căn cứ nội dung phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu Z756 tại phường 12, quận 10 nêu trên, giao Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp Ủy ban nhân dân quận 10 và Ban Quản lý dự án Z756 (Bộ Tư lệnh Công binh) xác lập ranh đất quy hoạch và hướng dẫn thủ tục giao, thuê đất theo quy định hiện hành.

Giao Sở Xây dựng hướng dẫn thủ tục pháp lý về phê duyệt dự án đầu tư xây dựng tại khu đất.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 10, Bộ Tư lệnh Công binh và Giám đốc Ban Quản lý dự án 756 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

**Nguyễn Thành Tài**

## ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**QUẬN 6**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 08/2010/QĐ-UBND

Quận 6, ngày 02 tháng 11 năm 2010

### **QUYẾT ĐỊNH** **VỀ BÃI BỎ VĂN BẢN**

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 91/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tư pháp quận 6 tại Công văn số 196/TP ngày 28 tháng 10 năm 2010,

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Nay bãi bỏ 03 văn bản của Ủy ban nhân dân quận 6 ban hành do không còn phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Gồm các văn bản:

- Quyết định số 699/1998/QĐ-UB ngày 28 tháng 5 năm 1998 về ban hành quy trình giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân trên địa bàn Q6.

- Quyết định số 1279/2004/QĐ-UB ngày 20 tháng 7 năm 2004 về ban hành Quy chế tổ chức và làm việc của UBND quận 6.

- Quyết định số 675/QĐ-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2006 về việc ban hành Quy chế thực hiện chế độ hội nghị, hội họp và thông tin báo cáo.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 ngày, kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Thủ trưởng các phòng, ban, ngành quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Trần Thị Thu Vân**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN 6**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 09/2010/QĐ-UBND

Quận 6, ngày 03 tháng 11 năm 2010

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về công bố văn bản hết hiệu lực thi hành**

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 91/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tư pháp quận 6 tại Công văn số 178/TP ngày 07 tháng 10 năm 2010,

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Nay công bố 09 văn bản hết hiệu lực thi hành theo Danh mục đính kèm.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 ngày, kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Thủ trưởng các phòng, ban, ngành quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Trần Thị Thu Vân**



**DANH MỤC VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC THI HÀNH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/2010/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2010 của Ủy ban nhân dân quận 6)*

---

1. Quyết định số 3511/2007/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2007 về giao dự toán thu chi ngân sách địa phương năm 2008.
2. Quyết định số 282/QĐ-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2008 về giao kế hoạch xây dựng cơ bản sửa chữa năm 2008 nguồn vốn hoán chuyển cơ sở.
3. Quyết định số 292/2008/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2008 về ban hành kế hoạch chỉ đạo điều hành phát triển kinh tế xã hội quận 6 năm 2008.
4. Quyết định số 298/QĐ-UBND ngày 01 tháng 02 năm 2008 về giao kế hoạch xây dựng cơ bản sửa chữa năm 2008 nguồn vốn phân cấp của thành phố.
5. Quyết định số 2337/QĐ-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2008 về giao kế hoạch xây dựng cơ bản sửa chữa năm 2008 nguồn vốn ngân sách quận.
6. Quyết định số 11/2008/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2008 về giao chỉ tiêu dự toán thu chi ngân sách năm 2009.
7. Quyết định số 12/2008/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2008 ban hành kế hoạch chỉ đạo điều hành phát triển kinh tế xã hội quận 6 năm 2009.
8. Quyết định số 06/2009/QĐ-UBND ngày 13 tháng 02 năm 2009 về công bố công khai dự toán ngân sách năm 2009.
9. Quyết định số 10/2009/QĐ-UBND ngày 21 tháng 04 năm 2009 về giao chỉ tiêu kế hoạch năm 2009.

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN 6**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10/2010/QĐ-UBND

Quận 6, ngày 08 tháng 11 năm 2010

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động  
của Phòng Tài nguyên và Môi trường quận 6**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 04/2010/TTLT-BTNMT-BNV ngày 02 tháng 02 năm 2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nội vụ hướng dẫn nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức, biên chế của Sở Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh về công tác định giá đất;

Căn cứ Quyết định số 2517/QĐ-UBND ngày 07 tháng 6 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chuyển nhiệm vụ, quyền hạn từ ngành tài chính sang ngành tài nguyên môi trường;

Căn cứ Quyết định số 73/2010/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố về sửa đổi, bổ sung Quy chế (mẫu) tổ chức và hoạt động của Phòng Tài nguyên và Môi trường quận - huyện;

Căn cứ Quyết định số 02/2010/QĐ-UBND-NV ngày 26 tháng 02 năm 2010 của Ủy ban nhân dân quận 6 về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tài nguyên và Môi trường quận 6;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ quận 6 tại Tờ trình số 586/TTr-NV ngày 29 tháng 10 năm 2010 và Báo cáo thẩm định số 199/TP ngày 02 tháng 11 năm 2010 của Phòng Tư pháp quận 6,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay sửa đổi nhiệm vụ và quyền hạn của Phòng Tài nguyên và Môi trường quận 6 được quy định tại khoản 5 Điều 2 Chương II Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tài nguyên và Môi trường quận 6 ban hành kèm theo Quyết định số 02/2010/QĐ-UBND-NV ngày 26 tháng 02 năm 2010 của Ủy ban nhân dân quận 6 như sau: “Tham gia cùng các cơ quan có liên quan trong việc xây dựng bảng giá các loại đất định kỳ hàng năm; tham gia thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định của pháp luật; tham mưu, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 6 hoặc phối hợp các cơ quan có liên quan xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật”.

**Điều 2.** Bổ sung vào Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tài nguyên và Môi trường quận 6 nhiệm vụ, quyền hạn về công tác định giá đất như sau:

1. Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận 6 tổ chức thực hiện bảng giá các loại đất trên địa bàn quận 6;

2. Tham gia cùng các cơ quan liên quan trong việc xây dựng bảng giá các loại đất theo hướng dẫn của Ban chỉ đạo xây dựng bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố; thực hiện việc điều tra, khảo sát giá đất; thống kê giá các loại đất; xây dựng, cập nhật thông tin giá đất; xây dựng cơ sở dữ liệu về giá đất trên địa bàn quận 6;

3. Hướng dẫn, kiểm tra, tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Tham mưu cho Ủy ban nhân dân quận 6 hoặc phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn xử lý vướng mắc về chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; hướng dẫn xác định người sử dụng đất được bồi thường, hỗ trợ hoặc không được bồi thường, hỗ trợ;

4. Phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch quận 6 và các cơ quan chuyên môn có liên quan về thực hiện bảng giá các loại đất trên địa bàn quận 6;

5. Báo cáo Ủy ban nhân dân quận 6, Sở Tài nguyên và Môi trường (Ban chỉ đạo xây dựng bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố) theo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình xây dựng và thực hiện bảng giá các loại đất trên địa bàn quận 6.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 ngày, kể từ ngày ký. Các nội dung không đề cập tại Quyết định này vẫn giữ nguyên theo Quyết định số 02/2010/QĐ-UBND-NV ngày 26 tháng 02 năm 2010 của Ủy ban nhân dân quận 6.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận 6, Trưởng Phòng Nội vụ quận

6, Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường quận 6, Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân quận 6, các Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Trần Thị Thu Vân**

---

---

UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: [tcb@tphcm.gov.vn](mailto:tcb@tphcm.gov.vn)

Website: [www.congbao.hochiminhcity.gov.vn](http://www.congbao.hochiminhcity.gov.vn)

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng

**Giá: 5.000 đồng**